

NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP THẢO LUẬN NHÓM TRONG GIẢNG DẠY TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TẠI HỌC VIỆN TÀI CHÍNH - PHÂN HIỆU TỈNH HƯNG YÊN

BÙI THỊ NHUNG

Học viện Tài chính - Phân hiệu tỉnh Hưng Yên

Nhận bài ngày 15/3/2026. Sửa chữa xong 20/4/2026. Duyệt đăng 29/4/2026.

Abstract

Group discussion methods play a core role in fostering student initiative and critical thinking in the study of Political Theory in general and Ho Chi Minh Thought in particular. For students at the Hung Yen Branch of the Academy of Finance, applying this method requires significant innovation in both content and form to overcome formality and detachment from reality. This paper analyzes the current situation and proposes a three-stage process combining "financialization," "localization" of discussion topics, and the application of digital technology to improve the quality of teaching this subject in the current context.

Keywords: Academy of finance, group discussion, Ho Chi Minh's ideology, improvement, solutions.

1. Đặt vấn đề

Trong hệ thống giáo dục đại học tại Việt Nam, lý luận chính trị nói chung và môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng giữ vai trò nền tảng, định hình thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng và bản lĩnh chính trị cho thế hệ trẻ. Đây không chỉ là việc truyền thụ một hệ thống tri thức khoa học mà còn là quá trình bồi dưỡng lý tưởng, lòng yêu nước và đạo đức nghề nghiệp cho người học trước làn sóng thông tin đa chiều của kỷ nguyên số. Tuy nhiên, thực tế giảng dạy hiện nay đang vấp phải một thách thức mang tính khách quan: một bộ phận không nhỏ sinh viên (SV), đặc biệt là khối ngành kinh tế - tài chính vẫn tồn tại tâm lý xem nhẹ các môn khoa học xã hội. Họ thường coi đây là những môn học thiên về học thuật thuần túy, khô khan, mang nặng tính giáo điều và có khoảng cách nhất định với tính ứng dụng trong thực tiễn nghề nghiệp tương lai. Học viện Tài chính - Phân hiệu tỉnh Hưng Yên là một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về quản lý kinh tế, tài chính, kế toán và kiểm toán cho khu vực kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. SV tại phân viện sở hữu những đặc trưng tư duy rất rõ nét của khối ngành kinh tế: Tư duy logic mạnh mẽ, nhạy bén với cơ chế thị trường, ưu tiên các giá trị thực tiễn và các số liệu mang tính định lượng. Chính đặc thù tâm lý này khiến dễ rơi vào trạng thái thụ động, thiếu hào hứng nếu bài học chỉ được truyền tải bằng phương pháp thuyết giảng độc thoại truyền thống. Để giải quyết mâu thuẫn này, việc chuyển dịch mô hình dạy học từ "truyền thụ một chiều" sang "tương tác đa chiều", lấy người học làm trung tâm là một đòi hỏi tất yếu mang tính sống còn đối với chất lượng đào tạo. Trong các phương pháp dạy học tích cực, thảo luận nhóm được xem là "chìa khóa" tối ưu nhằm chuyển hóa quá trình đào tạo thành tự đào tạo. Phương pháp này không chỉ đánh thức tính chủ động, kích thích tư duy phản biện và khả năng lập luận của SV mà còn rèn luyện cho các em những kỹ năng mềm cốt lõi như làm việc tập thể, thuyết trình và giải quyết xung đột.

Email: buinhung28091985@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng sử dụng phương pháp thảo luận nhóm trong giảng dạy Tư tưởng Hồ Chí Minh tại Học viện Tài chính - Phân hiệu tỉnh Hưng Yên

2.1.1. Những kết quả đạt được khi sử dụng phương pháp thảo luận nhóm trong giảng dạy Tư tưởng Hồ Chí Minh

Phương pháp thảo luận nhóm đã góp phần căn bản trong việc khơi dậy tinh thần chủ động, tự học và tự nghiên cứu của SV: Thay vì thụ động ghi chép những luận điểm có sẵn trong giáo trình theo phương pháp thuyết giảng một chiều, việc giao đề tài thảo luận nhóm đã buộc SV phải tự mình tìm kiếm, đọc hiểu và hệ thống hóa tài liệu (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2014, tr. 2). Thực tế giảng dạy tại Phân hiệu tỉnh Hưng Yên cho thấy, khi được trao quyền làm chủ không gian khoa học, nhiều nhóm SV đã thể hiện năng lực tự học vượt trội. Các em đã biết khai thác nhiều nguồn tài liệu chính thống như Hồ Chí Minh Toàn tập, các bài văn kiện của Đảng, các tạp chí nghiên cứu lý luận uy tín của Viện Hồ Chí Minh và các cơ quan ngôn luận Trung ương. Quá trình này giúp SV không chỉ nắm chắc kiến thức cốt lõi để phục vụ thi cử mà quan trọng hơn là giúp các em hiểu sâu sắc bản chất khoa học, bối cảnh lịch sử và giá trị thời đại của tư tưởng Hồ Chí Minh, biến tri thức của nhân loại thành vốn hiểu biết tự thân.

Việc triển khai hoạt động nhóm đã tạo ra môi trường lý tưởng để SV khối ngành kinh tế rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng mềm cốt lõi: Bản chất của SV Học viện Tài chính là sự năng động, nhạy bén và có định hướng thực tế cao. Khi tham gia vào quy trình thảo luận nhóm từ khâu lập kế hoạch, phân chia công việc, giải quyết các bất đồng quan điểm trong nội bộ đến việc thống nhất nội dung báo cáo, SV đã tự động được nhúng vào môi trường làm việc tập thể giả định. Các kỹ năng như điều phối (leadership), lắng nghe tích cực, thuyết phục và quản lý thời gian được rèn luyện một cách tự nhiên. Đặc biệt, kỹ năng thuyết trình trước đám đông và năng lực sử dụng các công cụ công nghệ thông tin (như thiết kế slide PowerPoint, Canva, xây dựng sơ đồ tư duy Mindmap) của SV phân viện đã có sự tiến bộ vượt bậc. Nhiều buổi báo cáo thảo luận đã biến thành những không gian thuyết trình chuyên nghiệp, trực quan và giàu tính thuyết phục, thể hiện rõ tư duy mạch lạc và phong thái tự tin của SV kinh tế.

Nội dung thảo luận bước đầu đã có sự gắn kết hài hòa giữa lý luận chính trị với đạo đức nghề nghiệp của SV Học viện Tài chính và thực tiễn phát triển của địa phương: Giảng viên (GV) bộ môn tại Phân hiệu tỉnh Hưng Yên đã có những nỗ lực đáng khen ngợi trong việc “mềm hóa” lý luận, không để các chủ đề thảo luận rơi vào trạng thái hàn lâm, xa rời thực tế. Khi nghiên cứu về tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, đặc biệt là các phẩm chất “Cần, Kiệm, Liêm, Chính”, SV đã được định hướng thảo luận về văn hóa công sở, đạo đức công vụ và trách nhiệm chống gian lận tài chính, trực lợi chính sách trong bối cảnh nền kinh tế thị trường định hướng XHCN (Ban Chấp hành Trung ương, 2018, tr. 3). Đồng thời, việc học tập tại địa bàn tỉnh Hưng Yên - một tỉnh đang có tốc độ phát triển công nghiệp và đô thị hóa mạnh mẽ tại vùng đồng bằng sông Hồng cũng được khai thác hiệu quả. Nhiều nhóm SV đã chủ động liên hệ bài học với thực tiễn xây dựng nông thôn mới nâng cao, phát triển kinh tế số hoặc công tác thu hút dòng vốn đầu tư tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh như Khu công nghiệp Thăng Long II, Khu công nghiệp Phố Nối A. Sự gắn kết này giúp SV nhận thức rõ ràng rằng tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là những điều cao siêu, trừu tượng mà luôn đồng hành, soi sáng cho mọi hoạt động kinh tế - xã hội thường nhật.

Phương pháp thảo luận nhóm đã góp phần thay đổi tích cực mối quan hệ giữa GV và SV theo hướng dân chủ, bình đẳng và đồng hành: Giảng đường tại Phân hiệu tỉnh Hưng Yên đã giảm bớt khoảng cách thế hệ và tính chất áp đặt của người dạy. Trong các buổi thảo luận, GV không còn là người đọc quyền chân lý mà đóng vai trò là người gợi mở, cố vấn khoa học và trọng tài định hướng. Việc SV được quyền đặt câu hỏi chất vấn, thậm chí tranh biện lại với các nhận định của GV trên tinh thần khoa học đã tạo nên một không khí học thuật dân chủ, cởi mở. Môi trường này không chỉ giúp giải tỏa áp lực tâm lý cho SV đối với môn học chính trị mà còn kích thích tư duy phản biện - một năng lực cực kỳ quan trọng đối với những nhà quản lý kinh tế tương lai. Đồng thời, thông qua việc lắng nghe SV thảo luận, GV cũng kịp thời nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng, mức độ nhận thức và cả những lệch lạc trong tư tưởng của giới trẻ, từ đó có những biện pháp uốn nắn, giáo dục chính trị tư tưởng một cách khéo léo, tế nhị và đạt hiệu quả chiều sâu.

2.1.2. Những tồn tại, hạn chế khi sử dụng phương pháp thảo luận nhóm trong giảng dạy Tư tưởng Hồ Chí Minh

Tình trạng phân chia khối lượng công việc không đồng đều, dẫn đến hiện tượng “ỷ lại tập thể”: Do áp lực về mặt thời gian quản lý và sĩ số lớp đông, GV tại Phân hiệu thường có xu hướng chia nhóm với quy mô quá lớn, trung bình từ 10 đến 12 SV một nhóm. Trong một chỉnh thể tập thể quá đông, trách nhiệm cá nhân dễ bị làm mờ và pha loãng. Thực tế cho thấy, dòng chảy vận hành của nhóm luôn bị phân hóa thành hai cực: một nhóm thiểu số (khoảng 2-3 SV, thường là trưởng nhóm, thư ký hoặc các bạn học khá) phải gánh vác toàn bộ từ khâu tìm tài liệu, tổng hợp nội dung cho đến thiết kế PowerPoint; trong khi đó, nhóm đa số còn lại rơi vào trạng thái “vô hình”, chỉ tham gia mang tính hình thức để được ghi tên vào danh sách nộp bài nhằm hưởng điểm chung của tập thể. Điều này vô hình trung tạo ra sự bất công lớn, triệt tiêu động lực phấn đấu của những SV tích cực và dung túng cho sự lười biếng, thụ động của một bộ phận SV kém ý thức (Bùi Đình Phong, 2017, tr. 36). Ví dụ: Trong một buổi thảo luận về *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân*, một nhóm gồm 12 SV lớp Kế toán tại Phân hiệu tỉnh Hưng Yên được giao đề tài. Đến ngày báo cáo, chỉ có nhóm trưởng lên thuyết trình và một thành viên khác phụ trách bấm slide. Khi GV đặt câu hỏi chất vấn sâu về mối quan hệ giữa “kiểm soát quyền lực nhà nước” và “phòng chống tham nhũng”, nhóm trưởng phải đứng ra trả lời toàn bộ. Khi GV chỉ định ngẫu nhiên một thành viên khác trong nhóm để làm rõ thêm nội dung chính thành viên đó được phân công trong biên bản (ví dụ: tìm hiểu thực trạng tại địa phương), SV này đã ấp úng, trả lời vòng vo và hoàn toàn không nắm được mạch logic của bài.

Cách thức thiết kế chủ đề thảo luận của GV còn mang tính lối mòn, đóng khung lý thuyết và chưa bắt kịp tư duy thực dụng tích cực của SV kinh tế: Nhiều chủ đề thảo luận được đưa ra dưới dạng các câu hỏi tự luận mở rộng từ giáo trình, nặng tính diễn giải lịch sử và tái hiện kiến thức cũ mà thiếu đi tính thời sự, tính tranh luận hoặc thiếu sợi dây liên kết với chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, Kế toán, Quản trị của người học. SV khối ngành kinh tế có đặc thù tư duy rất thực tế, các em luôn đặt câu hỏi “học để làm gì” và “tri thức này giải quyết bài toán gì trong cuộc sống”. Khi các chủ đề thảo luận quá xa rời thực tiễn nghề nghiệp hoặc không gắn với hơi thở kinh tế - xã hội sinh động của địa phương Hưng Yên, SV sẽ làm bài với tâm lý đối phó, cắt dán (copy-paste) các bài văn mẫu, tiểu luận có sẵn trên mạng Internet mà không có sự thẩm thấu, chuyển hóa về mặt tư duy. Ví dụ: GV đưa ra chủ đề thảo luận cho Chương 3 là: *“Phân tích nội dung và ý nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam”*. Đây là một chủ đề quá rộng, mang tính hàn lâm thuần túy. Hậu quả là sản phẩm nộp về của các nhóm SV tại phân viện gần như giống nhau đến 80% đều là những đoạn văn dài được sao chép nguyên văn từ giáo trình hoặc các tài liệu lý luận trên mạng. SV đọc bài thuyết trình bằng giọng đều đều, cả lớp ở dưới rơi vào trạng thái mệt mỏi, ngủ gật hoặc làm việc riêng vì nội dung không có bất kỳ điểm nhấn nào chạm đến tư duy kinh tế của SV, chẳng hạn như câu hỏi về vị trí của kinh tế tư nhân hay các mô hình quản lý tài chính công hiện nay.

Tiến trình tổ chức thảo luận trên lớp còn đơn điệu, thiếu không gian tranh biện và tương tác đa chiều: Phần lớn các buổi thảo luận hiện nay tại phân viện vẫn diễn ra theo một kịch bản định sẵn có phần nhàm chán: Nhóm được phân công lên bục giảng, mở slide PowerPoint và đọc lại nội dung trong vòng 15-20 phút; sau đó GV hỏi “Có nhóm nào đặt câu hỏi không?”; cả lớp im lặng hoặc chỉ có một vài câu hỏi mang tính xã giao được chuẩn bị vội vã; cuối cùng GV nhận xét, sửa lỗi chính tả trên slide và cho điểm. Không gian tranh luận giữa các nhóm với nhau (tương tác ngang) và giữa SV với GV (tương tác dọc) hầu như bị triệt tiêu do áp lực chày giáo án hoặc do GV chưa áp dụng các kỹ thuật điều phối hiện đại (Hoàng Chí Bảo, 2005, tr. 29). Buổi thảo luận nhóm thực chất chỉ là một buổi “thuyết giảng thay GV” của một cá nhân SV xuất sắc, hoàn toàn không đạt được bản chất của thảo luận là sự va đập của các quan điểm khoa học để tìm ra chân lý.

Phương pháp đánh giá kết quả thảo luận còn mang tính cào bằng, chưa đa chiều và thiếu tiêu chí định lượng: GV hiện nay tại phân viện đa phần vẫn áp dụng hình thức cho một đầu điểm duy nhất cho cả tập thể nhóm dựa trên sản phẩm báo cáo và phần thể hiện của người thuyết trình. Cách đánh giá này vô hình trung xem nhẹ toàn bộ quá trình làm việc của từng cá nhân mà chỉ nhìn vào kết quả bề nổi. Việc thiếu các công cụ kiểm soát như bảng chấm điểm đóng góp nội bộ, hệ số K quy đổi điểm hay việc GV không đặt câu hỏi chất vấn đột xuất cho các thành viên thụ động đã tạo ra một kẽ hở lớn. SV nhận

ra rằng dù mình làm nhiều hay làm ít, thậm chí không làm gì, chỉ cần nhóm trưởng làm tốt và slide đẹp là cả nhóm sẽ được 8 hoặc 9 điểm. Cơ chế đánh giá thiếu công bằng này kéo dài sẽ làm tổn thương những SV tích cực, đồng thời làm mất đi tính nghiêm túc, kỷ cương của một môn học lý luận chính trị.

2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng phương pháp thảo luận nhóm trong giảng dạy Tư tưởng Hồ Chí Minh tại Học viện Tài chính - Phân hiệu tỉnh Hưng Yên

2.2.1. Thiết kế chủ đề thảo luận mang tính “mở”, gắn liền lý luận với thực tiễn kinh tế và bối cảnh địa phương

Đối với SV Học viện Tài chính - Phân hiệu tỉnh Hưng Yên, việc tiếp cận các khái niệm lý luận thuần túy dễ dẫn đến cảm giác xa rời thực tế nếu GV chỉ đóng khung câu hỏi trong giáo trình. Tư duy của SV kinh tế là tư duy thực tiễn, luôn tìm kiếm tính ứng dụng và hiệu quả của tri thức. Do đó, đổi mới khâu thiết kế chủ đề thảo luận từ trạng thái “đóng” (tái hiện kiến thức) sang trạng thái “mở” (vận dụng và giải quyết vấn đề) là bước đột phá đầu tiên (Phạm Thị Thúy Vân, 2019, tr. 47). Chủ đề mở buộc SV không thể sao chép nguyên văn giáo trình mà phải thực hiện các thao tác tư duy bậc cao như phân tích, tổng hợp, đánh giá và đề xuất giải pháp. Đặc biệt, việc lồng ghép các vấn đề kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên nơi phân viện đóng sẽ tạo ra một không gian học tập gắn gũi, khơi dậy tính tò mò khoa học của người học. Ví dụ: Khi giảng dạy Chương 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, tại mục *Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa dân tộc chân chính - một động lực lớn của đất nước*, thay vì giao chủ đề truyền thống là: “*Phân tích luận điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa dân tộc*” (một câu hỏi đóng, dẫn đến việc SV chỉ chép lại giáo trình), GV sẽ chuyển đổi thành chủ đề mang tính thời sự và gắn với chuyên ngành kinh tế: “*Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy tinh thần tự lực, tự cường và lòng tự hào dân tộc. Từ đó, hãy đánh giá chiến lược xây dựng thương hiệu quốc gia của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Liên hệ thực tế với các sản phẩm công nghiệp và nông nghiệp chủ lực của tỉnh Hưng Yên (như nhãn lồng Phố Hiến, tương Bần hoặc các sản phẩm tại Khu công nghiệp Thăng Long II) trong việc khẳng định giá trị thương hiệu Việt*”. Với chủ đề này, SV nhóm nghiên cứu buộc phải phân tích nền tảng tư tưởng của Bác về sức mạnh nội lực, sau đó đóng vai trò là các chuyên gia kinh tế để khảo sát thực trạng, phân tích các rào cản và đề xuất giải pháp cho sản phẩm địa phương. Bài thảo luận lúc này không còn là một bài học chính trị khô khan mà trở thành một đề án kinh tế có chiều sâu tư tưởng.

2.2.2. Cải tiến kỹ thuật chia nhóm và xác lập cơ chế “Trách nhiệm cá nhân trong tập thể”

Hạn chế lớn nhất khiến phương pháp thảo luận nhóm trở nên hình thức là hiện tượng “ỷ lại tập thể”. Để giải quyết triệt để tình trạng này, GV cần can thiệp khoa học vào quy trình thành lập và vận hành nhóm nhằm cá nhân hóa trách nhiệm của từng người học. Về mặt quy mô, cần khống chế nghiêm ngặt số lượng thành viên từ 5-7 SV. Khoa học quản trị đã chứng minh đây là cấu trúc tối ưu để duy trì sự tương tác toàn diện; nếu số lượng vượt quá 7, xác suất xuất hiện các thành viên thụ động sẽ tăng lên theo cấp số nhân. Về phương thức lập nhóm, GV cần từ bỏ thói quen để SV tự chọn bạn thân. Thay vào đó, việc sử dụng các thuật toán chia nhóm ngẫu nhiên hoặc chủ động đan xen các thành viên có học lực, giới tính và tính cách khác nhau sẽ tạo ra một môi trường giả định giống như một phòng ban tại doanh nghiệp, buộc SV phải tự thích nghi và học cách hợp tác với những người bạn mới (Song Thành, chủ biên, 2008, tr. 31). Quan trọng nhất, mỗi thành viên phải được định vị một vai trò cụ thể với mô tả công việc (Job Description) rõ ràng và cam kết bằng văn bản gửi cho GV. Ví dụ: Đối với bài tập thảo luận Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, nhóm 5 SV được phân công chủ đề “*Xây dựng Nhà nước thượng tôn pháp luật và phòng chống tham nhũng dưới góc nhìn tư tưởng Hồ Chí Minh*”. GV yêu cầu nhóm nộp biên bản phân công công việc cụ thể như sau: SV A (Trưởng nhóm): Chịu trách nhiệm lập kế hoạch, điều phối tiến độ, xây dựng khung logic của bài và giải quyết các xung đột nội bộ. SV B (Chuyên viên dữ liệu): Thu thập các văn bản pháp lý, các số liệu thống kê của Thanh tra Chính phủ và các bài viết lý luận về công tác phòng chống tham nhũng. SV C (Thư ký/Tổng hợp): Viết báo cáo chi tiết, biên tập nội dung từ dữ liệu thô và chuyển hóa thành sơ đồ tư duy (Mindmap). SV D (Thiết kế/Thuyết trình): Thiết kế slide trực quan và chịu trách nhiệm trình bày luận điểm chính trước lớp. SV E

(Phản biện viên): Tự đặt ra các câu hỏi giả định phản biện lại chính bài làm của nhóm để tìm ra kẽ hở lập luận trước khi báo cáo, đồng thời là người đại diện đặt câu hỏi cho nhóm bạn. Khi mỗi mắt xích đều có một phần việc không thể thay thế, sự lười biếng sẽ bị loại trừ vì kết quả của mỗi cá nhân ảnh hưởng trực tiếp đến sự vận hành của cả hệ thống.

2.2.3. Tối ưu hóa tiến trình thảo luận tại lớp bằng các kỹ thuật dạy học tích cực hiện đại

Một buổi thảo luận nhóm thất bại là khi giảng đường biến thành không gian của sự độc thoại: một SV đứng đọc một slide dày đặc chữ, GV chấm điểm đại khái và 90% lớp học làm việc riêng. Để biến giảng đường Phân hiệu tỉnh Hưng Yên thành một không gian tranh biện học thuật sôi nổi, GV phải đóng vai trò là một đạo diễn kịch bản, áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực như kỹ thuật “Bể cá” (Fishbowl) hoặc kỹ thuật “Mảnh ghép” (Jigsaw). Nguyên tắc cốt lõi là cắt giảm tối đa thời gian thuyết trình (không quá 20% thời lượng) và dành toàn bộ thời gian còn lại cho các hoạt động chất vấn, phản biện và đối thoại trực tiếp. SV kinh tế có kỹ năng lập luận rất sắc sảo khi đối mặt với các vấn đề có tính tranh luận, do đó việc tạo ra các “tọa đàm giả định” sẽ kích thích tối đa năng lực tư duy của các em. Ví dụ: Khi tổ chức thảo luận Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, thay vì cho lần lượt 4 nhóm lên thuyết trình 4 bài PowerPoint độc lập, GV áp dụng Kỹ thuật “Bể cá” (Fishbowl): GV kê 4 chiếc ghế ở giữa lớp tạo thành một “bể cá”, dành cho đại diện của 4 nhóm (đều đã nghiên cứu sâu về chủ đề này). Xung quanh là các hàng ghế của các thành viên còn lại (vòng quan sát). GV đưa ra một tình huống thực tế mang tính tranh luận: *“Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và sự cạnh tranh địa chính trị phức tạp hiện nay, việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và độc lập tự chủ về kinh tế theo tư tưởng Hồ Chí Minh có mâu thuẫn với việc thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hay không?”*. 4 SV ở vòng trong bắt đầu thảo luận, tranh biện trực tiếp dựa trên nền tảng lý luận của Chương 5 và các số liệu kinh tế thực tế. SV ở vòng ngoài có quyền “gõ vai” xin vào thay thế nếu thấy người đại diện nhóm mình đuối lý hoặc gửi các mảnh giấy ghi câu hỏi chất vấn vào bên trong. Tiến trình này buộc toàn bộ lớp học phải tập trung cao độ, tư duy liên tục để bảo vệ quan điểm của nhóm mình.

2.2.4. Ứng dụng công nghệ số hỗ trợ làm việc nhóm ngoài giờ lên lớp và đa dạng hóa sản phẩm học tập

Với thời lượng phân bổ trên lớp của môn Tư tưởng Hồ Chí Minh khá eo hẹp, nếu không đẩy các hoạt động chuẩn bị lên không gian mạng, các buổi thảo luận sẽ rơi vào tình trạng thiếu chiều sâu. Việc ứng dụng công nghệ số cần được thực hiện ở hai khía cạnh: Quản lý tiến độ và đa dạng hóa hình thức đầu ra của sản phẩm. GV cần thiết lập một không gian làm việc số cho lớp học thông qua các nền tảng như Google Drive, Padlet hoặc MS Teams. Tại đây, mọi hoạt động thảo luận sơ bộ, tìm kiếm tài liệu, phân công công việc của các nhóm phải được hiển thị minh bạch. GV có thể truy cập bất kỳ lúc nào để cố vấn, định hướng luồng tư duy của SV ngay từ giai đoạn chuẩn bị, tránh tình trạng đến ngày lên lớp mới phát hiện SV hiểu sai lệch hướng tư tưởng (Vũ Thị Thủy, Phạm Thị Huyền, 2020, tr. 62). Bên cạnh đó, việc thay đổi sản phẩm đầu ra từ những bài tiểu luận hoặc PowerPoint truyền thống sang các định dạng truyền thông số sẽ giúp SV phát huy tối đa tính sáng tạo và kỹ năng công nghệ. Ví dụ: Khi học Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới, GV thay đổi hoàn toàn yêu cầu về sản phẩm thảo luận. Thay vì làm một bài báo cáo PowerPoint, GV yêu cầu các nhóm lựa chọn một trong hai hình thức sản phẩm sau: Thiết kế một Infographic (Đồ họa thông tin): Hệ thống hóa toàn bộ các chuẩn mực đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh bằng hình ảnh trực quan, các biểu đồ phân tích và ngôn ngữ cô đọng, sau đó đăng tải lên Padlet của lớp để các nhóm khác vào bình luận, chấm điểm; Sản xuất một Video Podcast ngắn (3-5 phút): Nhóm SV thực hiện một cuộc phỏng vấn thực tế tại Khu di tích Lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở xã Kim Động, tỉnh Hưng Yên hoặc phỏng vấn ngay SV trong trường về chủ đề *“Giới trẻ ngày nay thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo lời Bác dạy như thế nào?”*. Để làm được sản phẩm đó, SV phải sử dụng công nghệ như Canva, CapCut và làm việc nhóm liên tục trên Google Workspace. Sản phẩm truyền thông số này không chỉ có giá trị học thuật mà còn có sức lan tỏa giáo dục tư tưởng rất lớn trong cộng đồng SV.

Xem tiếp trang 375